

Bản án số: 377/2018/DS-ST

Ngày: 26-6-2018

Về việc: Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Thúy

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2017/TLST-DS ngày 03/11/2017, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/2018/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Q, sinh năm 1965 (giấy ủy quyền số 279/UQ – QLN.17 ngày 21/9/2017) (có mặt).

Bị đơn: Ông S, sinh năm 1977 (vắng mặt);

HKTT: đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A cùng lời khai của ông Q đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày như sau:

Ông S có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng số SGN.CN.102.071114 ngày

07/11/2014 (số tài khoản vay 188918959), thỏa thuận mục đích vay là tiêu dùng tín chấp, hỗ trợ tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày ông S nhận tiền vay, lãi suất vay: lãi trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn: 150% lãi trong hạn.

Ngày 07/11/2014 ông S đã nhận đủ số tiền vay là 50.000.000đồng nêu trên.

Sau khi vay, ông S đã trả được cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 25 lần với số tiền nợ gốc tổng cộng là 26.033.325đồng, tiền lãi tính đến ngày 6/12/2016 tổng cộng là 10.416.675đồng và ngưng thanh toán kể từ ngày 30/12/2016 cho đến nay.

Do đó, ngày 10/8/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã ra thông báo thu hồi nợ và ngày 09/9/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu cá nhân ông S trả số tiền còn nợ gốc là 23.966.675đồng, tiền nợ lãi trong hạn tính từ ngày 07/12/2016 đến ngày 8/9/2017 là 3.777.781đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 9/9/2017 đến ngày xét xử là 2.895.973đồng, tổng cộng là 30.640.429đồng, không yêu cầu tiền phạt. Ngoài ra yêu cầu ông S tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

- Ông S không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

Bà Nguyễn Thị Diệu Thùy – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 26/9/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2017 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) trong đó ghi người bị kiện là ông S có địa chỉ là đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do ông S không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng Thương mại cổ phần A cung cấp (theo kết quả xác

minh của Công an Phường B, Quận S). Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.102.071114 ngày 07/11/2014, có ghi địa chỉ của ông S là đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông S, nhưng ông S thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với ông S, có nơi cư trú cuối cùng tại đường P, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S theo đúng qui định của pháp luật Tố tụng dân sự, để triệu tập ông S đến Tòa án nhân dân Quận 6 làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Nhưng ông S vẫn không đến tòa để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Xét việc ông S là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là ông S.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã tổng đạt hợp lệ cho ông S thông báo thụ lý số 1414/TB-TLVA ngày 07/11/2017 về việc thụ lý vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông S trả tiền vay còn nợ. Phía ông S không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ ông S đã “*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...*” mà bên Ngân hàng Thương mại cổ phần A đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần A đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.102.071114 ngày 07/11/2014 và lời trình bày của đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông S là “Hợp đồng vay tài sản” có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 122, Điều 471 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Số tiền ông S vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần A là 50.000.000 đồng mục đích vay tiêu dùng tín chấp, lãi suất trong hạn là 10%/năm

trên số tiền vay ban đầu (nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì lãi suất là 17,4%/năm), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn thanh toán là 48 tháng kể từ ngày nhận tiền vay là 07/11/2014, trả góp tiền nợ gốc và lãi là 1.458.000đồng/tháng vào ngày 7, tháng cuối trả 1.474.000đồng vào ngày 07/11/2018 (theo thông báo lịch trả nợ vay đề ngày 07/11/2014).

Theo đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày: Sau khi nhận đủ tiền vay là 50.000.000đồng, ông S đã trả góp được 25 lần với 26.033.325đồng tiền nợ gốc và 10.416.675đồng tiền lãi tính đến ngày 6/12/2016, ngưng thanh toán từ ngày 30/12/2016 cho đến nay.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại thông báo lịch trả nợ vay đề ngày 07/11/2014. Do đó, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự và khoản 4 Điều 13 thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, ông S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay còn nợ gốc và lãi, như sau:

Về số tiền nợ gốc: Do ông S đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 26.033.325đồng, nên phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền còn nợ gốc là:

$$50.000.000\text{đồng} - 26.033.325\text{đồng} = 23.966.675\text{đồng}.$$

Về số tiền lãi: Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Hội đồng xét xử chấp nhận lãi suất vay thỏa thuận giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông S là lãi suất trong hạn: 10%/năm (nếu số ngày vay thực tế nhỏ hơn 30 ngày thì lãi suất là 17,4%/năm), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Như vậy, ông S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

+ Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/12/2016 đến ngày 08/9/2017 là:

$$50.000.000\text{đồng} \times [(10\%/năm \times 9/12 \text{ năm}) + (17,4\%/năm \times 2/365 \text{ năm})] = 3.797.671\text{đồng}.$$

+ Số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 09/9/2017 (theo thông báo chuyển nợ quá hạn đề ngày 10/8/2017) đến ngày xét xử 26/6/2018 là:

$$23.966.675\text{đồng} \times [(10\%/năm \times 9/12 \text{ năm}) + (17,4\%/năm \times 17/365 \text{ năm})] \times 150\% = 2.987.593\text{đồng}.$$

Tổng cộng tiền lãi là 6.785.264đồng

Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại cổ phần A chỉ yêu cầu ông S trả số tiền lãi tổng cộng là 6.673.754đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Như vậy, ông S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay còn nợ gốc và lãi là: 23.966.675đồng + 6.673.754đồng = 30.640.429đồng.

Về thời hạn thanh toán: Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông S trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên bằng cách trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Phía ông S không có ý kiến.

Căn cứ khoản 1 Điều 278 Bộ luật Dân sự quy định về thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự do các bên thỏa thuận, nên ông S phải thực hiện việc trả tiền nợ vay theo thỏa thuận tại thông báo lịch trả nợ vay đề ngày 07/11/2014 là trả góp tiền nợ gốc và lãi: 1.458.000đồng/tháng vào ngày 7, tháng cuối trả 1.474.000đồng vào ngày 07/11/2018. Tuy nhiên, kể từ ngày 30/12/2016 ông S đã ngưng trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng Thương mại cổ phần A trong việc thu hồi nợ. Vì vậy, ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là 30.640.429đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với đạo đức của xã hội và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ông S còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.102.071114 ngày 07/11/2014 trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[3]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Ông S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 30.640.429đồng x 5%= 1.532.021đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần A được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 739.860đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028316 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A:

Buộc ông S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.102.071114 ngày 07/11/2014 là 30.640.429 đồng, bao gồm: 23.966.675 đồng tiền nợ gốc và 6.673.754 đồng tiền nợ lãi.

Ông S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền 30.640.429 (ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn bốn trăm hai mươi chín) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông S còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số SGN.CN.102.071114 ngày 07/11/2014 trên dư nợ gốc tính từ ngày 27/6/2018 cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.532.021 (một triệu năm trăm ba mươi hai ngàn không trăm hai mươi một) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tạm ứng án phí đã nộp là 739.860 (bảy trăm ba mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0028316 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Sa